TRIẾT HỌC THẨM MỸ CỦA IMMANUEL KANT VÀ Ý NGHĨA GIÁO DỤC CỦA NÓ TRONG XÂY DỰNG CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

***Lê Đức Thọ*[1]**

TÓM TẮT

Immanuel Kant là một trong những nhà tư tưởng lỗi lạc của triết học cổ điển Đức nói riêng và hệ thống triết học nói chung. Ông không chỉ là nhà triết học lớn mà còn là nhà mỹ học lớn của nhân loại với những cống hiến vô cùng quan trọng. Trong lĩnh vực mỹ học, Kant được suy tôn là ông tổ của chủ nghĩa lãng mạn. Những tư tưởng của ông không chỉ có giá trị nhân văn sâu sắc mà còn để lại nhiều ảnh hưởng cho nhiều khuynh hướng nghệ thuật sau này, đặc biệt là khuynh hướng lãng mạn. Bài viết góp phần nhận thức rõ hơn những nội dung cơ bản trong triết học thẩm mỹ của Kant và chỉ ra vai trò to lớn của giáo dục thẩm mỹ trong đời sống xã hội, đặc biệt là giai đoạn hiện nay ở nước ta.

***Từ khóa**: Immanuel Kant, triết học thẩm mỹ, giáo dục thẩm mỹ, xây dựng nhân cách*

1. Đặt vấn đề

Nước ta đang trong quá trình hội nhập với thế giới, điều này làm cho tiến trình quốc tế hóa diễn ra hết sức mạnh mẽ, kéo theo đó là sự giao lưu, xâm nhập của các nền văn hóa. Ngoài những mặt tích cực còn có mặt tiêu cực là có thể dẫn tới sự đồng hóa văn hóa, sự phai nhạt, biến mất của văn hóa dân tộc. Chính vì vậy chúng ta cần phải có những nhận thức đúng đắn về mọi lĩnh vực kinh tế - chính trị, văn hóa nghệ thuật… Trong đó văn hóa nghệ thuật mà cụ thể là thẩm mỹ học đòi hỏi chúng ta phải có một hệ thống tri thức về thẩm mỹ một cách toàn diện để có thể xem xét, đánh giá một cách khoa học, toàn diện về cái đẹp, giá trị đẹp… Nằm trong hệ thống tri thức mỹ học, mỹ học của Immanuel Kant là một bộ phận không thể tách rời của mỹ học. Đặc biệt với những quan điểm mỹ học, nhất là quan điểm về cái đẹp trong mỹ học. Kant đã được suy tôn là ông tổ của chủ nghĩa lãng mạn. Vì vậy, những giá trị tư tưởng mỹ học mà I. Kant để lại là tài sản quý giá để chúng ta rèn luyện và tiếp thu trong quá trình hội nhập hiện nay. Việc nghiên cứu về mỹ học của Immanuel Kant nói chung và quan điểm về phạm trù cái đẹp của Kant nói riêng là hết sức cần thiết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Giới thiệu về Immanuel Kant (1724 - 1804)

Immanuel Kant sinh năm 1724, mất năm 1804 tại thành phố Konigberg, nay là Kaleiningrat - Đức trong một gia đình thợ thủ công. Năm 1732, Kant nhập học tại trường Friedrichskolle. Mùa thu năm 1740, ông đã bắt đầu chương trình cao học tại Albertina, đại học tại Konigsberg. Từ năm 1750 - 1753, ông rời Konigsberg đến Daniel Ernst Andersch và mưu sinh bằng cách dạy học tại gia. Năm 1750, Kant trở thành một nhà truyền đạo tại Judtschen, thuộc Gumbinnen, một thuộc địa Thụy Sĩ bao

[1]Trường Cao đẳng Nghề Đà Nẵng
Email: ductholevtc007@gmail.com

gồm những dân di cư nói tiếng Pháp. Tại đây, I. Kant được mọi người trong giáo khu biết đến là một giáo phụ. Sau đó, đến khoảng năm 1753, ông làm thầy giáo tại gia ở trại điền của thiếu tá Bernhard Friedrich von Hulsen tại Grob - Arnsdorf thuộc thành phố Mohrunger.

Năm 1754, Kant trở về Konigsberg và tiếp tục chương trình đào tạo đại học của mình (lúc đó Knutzen đã qua đời). Chỉ một năm sau đó, năm 1755 ông công bố tác phẩm quan trọng đầu tiên của mình với nhan đề *Thông sử tự nhiên và Thiên thể luận*. Cũng trong năm đó ông được bổ nhiệm phó giáo sư tại Konigsberg và bắt đầu dạy nhiều bộ môn. Ông dạy các môn như: Luân lý, Siêu hình, Nhân loại, Triết học đạo đức, Địa lý học, Khoa học tự nhiên, Toán, Vật lý, Lực, Sư phạm và Luật tự nhiên.

Năm 1762, ông đã từ chối lời mời của những trường đại học danh tiếng với mức lương hậu hĩnh và những cơ hội nhậm chức để gắn bó suốt đời với trường Đại học Konigsberg. Trong hai năm 1786 và 1788, Kant là hiệu trưởng trường Đại học Konigsberg. Năm 1787, ông được cử vào Học viện khoa học Phổ tại Berlin. Kant sống gần như suốt đời tại Konigsberg. Suốt đời sống độc thân, ông qua đời ngày 12 tháng 04 năm 1804, thọ gần 80 tuổi.

Kant đã để lại cho nền triết học cổ điển Đức nói riêng và triết học Đức nói chung nhiều tác phẩm có giá trị. Ngoài bộ ba tác phẩm nổi tiếng là: *Phê phán lý tính thuần túy* (1781), *Phê phán lý tính thực tiễn* (1788) và *Phê phán năng lực phán đoán* (1790), Kant còn là tác giả của nhiều tác phẩm khác như *Lịch sử tự nhiên đại cương và thuyết bầu trời* (1755) và *Tiểu luận về mọi siêu hình học tương lai có quyền được tự coi là khoa học* (1783),… Trong đó *Phê phán năng lực phán đoán* là tác phẩm thể hiện những quan điểm của Kant về mỹ học, được đánh giá là tác phẩm hoàn thiện hệ thống triết học Kant, là "viên đá đỉnh vòm" của tòa nhà triết học Kant [1].

Thế giới quan của Kant phát triển qua hai thời kỳ chính, mặc dù giữa chúng có sự thống nhất nhất định. Ở "thời kỳ tiền phê phán" (1746 - 1770), Kant chủ yếu nghiên cứu về các vấn đề toán học và khoa học tự nhiên với nhiều phát minh nổi tiếng về các lĩnh vực này. Từ năm 1770 trở đi bắt đầu "thời kỳ phê phán", đây là thời kỳ ông có nhiều đóng góp to lớn cho kho tàng triết học cổ điển Đức và triết học thế giới nói chung.

Thời kỳ tiền phê phán: Trong những tác phẩm của ông vào lúc gọi là "thời kỳ trước phê phán" (vào khoảng trước năm 1770), Kant chú ý nhiều đến những vấn đề thuộc khoa học tự nhiên. Trong thời kỳ này, thế giới quan của ông được thấm nhuần ở một mức độ đáng kể những yếu tố của chủ nghĩa duy vật tự phát và biện chứng. Lúc đầu chịu ảnh hưởng lớn của các quan niệm duy tâm và thần học của Leibniz và Wolf. Về sau, dần dần ông đứng về phía các quan niệm duy vật máy móc của Newton và Descartes rồi đi đến xây dựng thế giới quan độc lập của mình.

Thời kỳ phê phán: Từ sau 1770 do ảnh hưởng của các biến động xã hội ở Pháp trước cách mạng tư sản (1789 - 1794) cũng như bởi các quan niệm của Leibniz, Wolf và đặc biệt là của Hume, thế giới quan của Kant đã có sự thay đổi. Kant đã đề ra nhiệm vụ nghiên cứu

lại toàn bộ các vấn đề triết học trước đây trên tinh thần phê phán như quan niệm về con người, về lý tính, về khả năng nhận thức của con người, về hành vi đạo đức về trách nhiệm và hạnh phúc của con người.

Trong những tác phẩm sau này của Kant ở thời kỳ phê phán, những yếu tố của chủ nghĩa tín ngưỡng và của bất tri luận phát triển mạnh hơn. Nhưng ngay trong thời kỳ ấy, ông vẫn tiếp tục nghiên cứu các vấn đề của khoa học tự nhiên và đứng về phía gọi là thuyết động lực.

Kant là một trong những nhà triết học vĩ đại nhất của lịch sử tư tưởng triết học phương Tây trước Marx. Triết học Kant là "nền tảng và điểm xuất phát của triết học Đức hiện đại, những hạn chế trong triết học của ông không làm lu mờ công lao đó của triết học Kant" [2, tr. 360]. "Nếu như Copernicus đã tạo nên cuộc cách mạng bằng cách làm cho con người hướng mắt lên bầu trời, không phải là ngưỡng vọng về Thiên Chúa mà khám phá, tìm tòi bí ẩn của thế giới xung quanh ta thì Kant đã làm ngược lại là hướng tới con người với tư cách là một chủ thể từ tồn tại đến hoạt động. Kant đã tạo ra một cách nhìn mới, đánh giá mới về con người. Và ông đã dự báo được hoạt động thực tiễn của con người là điều kiện tồn tại của xã hội" [3, tr. 434].

2.2. Nội dung triết học thẩm mỹ của Immanuel Kant

I. Kant là một trong những nhà tư tưởng lỗi lạc của triết học cổ điển Đức nói riêng và hệ thống triết học nói chung. Với những cống hiến vô cùng quan trọng, ông không chỉ là nhà triết học lớn mà còn là nhà mỹ học lớn của nhân loại. Trong lĩnh vực mỹ học, I. Kant được suy tôn là ông tổ của chủ nghĩa lãng mạn. Những tư tưởng của ông không chỉ có giá trị nhân văn sâu sắc mà còn để lại nhiều ảnh hưởng cho nhiều khuynh hướng nghệ thuật sau này, đặc biệt là khuynh hướng lãng mạn.

Cũng như hệ thống triết học của mình, triết học thẩm mỹ của Kant không nghiên cứu các hiện tượng thẩm mỹ khách quan mà chỉ nghiên cứu những tình cảm chủ quan được trải nghiệm qua thế giới khách quan. Kant đề cập đến vai trò của chủ thể thẩm mỹ của con người. Nhưng triết học thẩm mỹ của ông không nghiên cứu bản thân đối tượng thẩm mỹ mà nghiên cứu những trạng thái của chủ thể. Các kết luận của ông về cái thẩm mỹ không liên hệ với các hiện tượng khách quan. Kant không chỉ là nhà triết học lớn mà còn là nhà mỹ học lớn của nhân loại. Mỹ học của Kant là bộ phận quan trọng và không thể thiếu trong hệ thống triết học của ông. Với nội dung rất phong phú và có hệ thống, mỹ học Kant đã tạo ra bước ngoặt căn bản trong lịch sử mỹ học phương Tây cận đại.

Nhìn chung, hệ thống triết học, mỹ học và đạo đức học của I. Kant thấm nhuần nội dung nhân văn sâu sắc, chủ nghĩa nhân đạo sâu rộng. Toàn bộ các tư tưởng mỹ học của ông được đặt trên nền tảng đạo đức, giải phóng cá nhân và hướng về mục tiêu tự do lý trí.

2.2.1. Quan điểm của Kant về phán đoán thẩm mỹ

Kant cho rằng con người có ba khả năng tiên thiên: năng lực nhận thức (lý tính lý luận), năng lực thực tiễn (lý tính thực tiễn) và năng lực phán đoán. Phán

đoán có năng lực phản tỉnh (phản tư). Năng lực phản tỉnh của phán đoán là cách tiếp cận đối tượng đi liền với tạo cảm giác thỏa mãn hay không thỏa mãn, giúp con người có được tình cảm vui thỏa hay đau khổ. Chính khả năng này được Kant cho là chiếc cầu nối đưa con người từ lĩnh vực tất định của thế giới hiện tượng lên lĩnh vực tự do đúng với nhân vị của mình ngay trong sinh hoạt đời thường.

Mỹ học Kant trước hết bắt nguồn từ các phán đoán logic hình thức để phân tích các phán đoán thẩm mỹ. Nếu phán đoán logic là một phán đoán khái niệm, phán đoán lý tính thì phán đoán thẩm mỹ là phán đoán tình cảm. Để tránh rơi vào chủ nghĩa kinh nghiệm thẩm mỹ đơn thuần, Kant cho rằng phán đoán thẩm mỹ không những không đối tượng mà còn không vụ lợi lợi ích vật chất trực tiếp. Đây là một quan điểm rất cơ bản của mỹ học Kant nhằm tìm cách khắc phục những khiếm khuyết của chủ nghĩa duy lý mỹ học, chủ nghĩa kinh nghiệm thẩm mỹ và phân xuất các tình cảm, các khoái cảm trong và ngoài thẩm mỹ, những khoái cảm gắn với đối tượng và những khoái cảm không gắn với đối tượng.

Với tác phẩm *Phê phán năng lực phán đoán* viết vào năm 1790, ông đã coi mỹ học là khoa học nghiên cứu các phán đoán thị hiếu. Phán đoán theo Kant là một hành động của trí tuệ. Đó là cách trí tuệ sử dụng những khái niệm bằng sự liên hệ những khái niệm này với khái niệm khác. Trí tuệ có thể là một năng lực của chủ thể tìm ra ở bản thân mình cái mà mình có. Phán đoán thẩm mỹ là một năng lực diễn tả tình cảm, khoái cảm của cá nhân. Kant coi năng lực phán đoán như là tạo ra một thành phần trung gian giữa trí tuệ và lý trí. Trí tuệ thì đưa ra những nguyên lý cấu thành cho nhận thức của chúng ta về thế giới cảm tính. Lý trí chỉ định những nguyên lý cũng có tổ chức cấu thành nhưng lại cho hành động của ta.

Theo Kant, vấn đề chủ yếu không phải cái gì là cái đẹp mà phán đoán về cái đẹp là gì. Trong *Phê phán năng lực phán đoán*, Kant không nhận thức các dấu hiệu đẹp của tự nhiên hay của một sản phẩm thẩm mỹ nào đó, ông chỉ phán đoán chúng theo cách cảm, cách nghĩ của chủ thể cá nhân mà thôi.

Phán đoán về thẩm mỹ là phán đoán thị hiếu không phải là sự phán đoán về nhận thức. Nó không phải là phán đoán logic mà là phán đoán tình cảm, chủ quan. Nó tạo nên cái dễ chịu và sự thích thú. Phán đoán thị hiếu thuần túy có tính thưởng ngoạn. Mọi cái lợi đều làm hư hỏng phán đoán của thị hiếu và tước mất tính trong sáng của nó. Còn năng lực thỏa mãn thẩm mỹ là sự đáp ứng mục đích, đánh giá về đối tượng thẩm mỹ đang được chiêm nghiệm thậm chí là chính bản thân mình của chủ thể thẩm mỹ. Đây chính là năng lực thưởng ngoạn trong sự khám phá cái đẹp thẩm mỹ tuyệt đối, để cảm nhận sự tự do tuyệt đối mà con người luôn muốn vươn tới.

Vậy phán đoán thẩm mỹ là gì? Phán đoán thẩm mỹ là phán đoán hoàn toàn mang tính chủ quan cá nhân và kết quả của nó mang lại cho chúng ta là sự thỏa mãn, không vui sướng. Nó hoàn toàn khác với phán đoán tri thức vì không xuất xuất phát từ một khái niệm nào cả mà chỉ là một hành vi mang tính chủ quan của chủ thể thẩm mỹ có được từ

một năng lực tiên nghiệm. Một mặt, I. Kant khẳng định tính chủ quan, phi logic của phán đoán thẩm mỹ. Mặt khác, I. Kant cũng cho rằng phán đoán thẩm mỹ còn có tính khách quan, phổ biến.

Như vậy, phán đoán thẩm mỹ là phán đoán mang tính chủ quan và vô tư của chủ thể thẩm mỹ khi chiêm ngưỡng đối tượng thẩm mỹ, là sự thống nhất giữa lý trí và tình cảm, chủ quan và khách quan. Nếu phán đoán tri thức có hai hình thái: tri thức kinh nghiệm và tri thức khoa học thì phán đoán thẩm mỹ cũng có hai hình thái: phán đoán theo cảm giác thông thường và phán đoán theo thẩm mỹ.

2.2.2. Quan điểm của Kant về cái đẹp

Vấn đề trung tâm của mỹ học Kant là vấn đề cái đẹp nhưng ông lại không quan tâm đến việc xác định cơ sở khách quan của cái đẹp mà chú trọng phân tích những điều kiện chủ quan để cảm nhận cái đẹp. Ông nhiều lần tuyên bố, không có khoa học về cái đẹp mà chỉ có phán đoán về cái đẹp. Xuất phát từ quan điểm trên, Kant đã xem xét cái đẹp trên bốn phương diện: chất – lượng – tương quan – phương thức.

Về phương diện chất, cái đẹp gây ra sự thích thú một cách vô tư. Theo Kant, đẹp là cái ta nhìn hay nghe một cách thích thú, nhưng là một sự thích thú vô tư không tư kỷ. Nó thuộc về chiêm ngưỡng không thuộc về chiếm đoạt. Hầu hết các nhà mỹ học đã thừa nhận rằng cái đẹp là cái thỏa mãn nhu cầu tinh thần của con người. Trước Kant, Aristoteles là người có đề cập tới tình cảm vô tư của cái đẹp nhưng chưa sâu. Sau này, Kant là người đề cập sâu sắc nhất. Theo ông, cái đẹp gắn với cảm giác nhưng nó không phải là cái thỏa mãn cảm giác con người ta mà nó là cảm giác thẩm mỹ hoàn toàn tự do. Vậy xét về phương diện chất: phán đoán của khiếu thẩm mỹ có đặc điểm vô tư. Phán đoán thẩm mỹ có đối tượng là sự vật hữu hình, chính sự vật hữu hình là điểm tựa của phán đoán thẩm mỹ. Mặc dù khi hình thành thì phán đoán thẩm mỹ không chú tâm đến sự vật cụ thể mà chú tâm đến mô hình (biểu tượng của nó).

Về phương diện lượng, cái đẹp là cái gây thích thú cho tất cả mọi người. Theo Kant, cái đẹp là cái có tính chất như sau: không nhờ khái niệm, tức là không nhờ vào các phạm trù của lý tính mà làm thành đối tượng của một khoái cảm phổ biến. Cái đẹp phải gợi lên trực tiếp một khoái cảm phổ biến mà không liên quan đến bất kỳ quy tắc phổ biến nào (như khái niệm, quy tắc đạo đức…). Vậy cái đẹp ở phương diện lượng mang bản chất là cái đơn nhất nhưng phán đoán thẩm mỹ về cái đẹp có thể truyền đạt cảm xúc của chủ thể đến mọi người tạo nên tính phổ biến của cái đẹp. Tính phổ biến ở đây mang tính phổ biến chủ quan.

Về phương diện tương quan, cái đẹp gây thích thú bằng hình thức thuần túy của nó. Kant cho rằng, cái đẹp phải có một hình thức thấm nhuần mục đích nhưng với điều kiện ta có thể quan niệm về tính mục đích trong đối tượng mà không có bất kỳ biểu tượng gì về một mục đích cụ thể nào đó. Cái đẹp lúc này độc lập với mọi sự rung động cá nhân là kết quả của phán đoán thẩm mỹ dựa trên cơ sở những năng lực thẩm mỹ và nó không phụ thuộc vào bất kỳ khái niệm nào. Vẻ đẹp cũng không phải là

một thuộc tính của đối tượng mà là một vẻ đẹp hình thức đơn thuần, tự tồn. Tuy nhiên, hạn chế của Kant khi đề cập đến cái đẹp trong phương diện tương quan là đã coi trọng hình thức bên ngoài, coi hình thức là tiêu chuẩn để đánh giá cái đẹp. Điều này đã ảnh hưởng tới xu hướng trọng hình thức của nhiều nhà nghệ thuật sau này.

Về phương diện phương thức, cũng giống như ở phương diện chất, lượng, tương quan, trong phương diện phương thức Kant cho rằng: "Đẹp là cái gì được nhận thức như là đối tượng của một sự hài lòng tất yếu nhưng độc lập với khái niệm" [4, tr. 134]. Theo định nghĩa này thì cái đẹp là cái gây thích thú một cách tất yếu nhưng không có khái niệm. Cái đẹp ở đây cần được thừa nhận là một đối tượng tất yếu làm cho mọi người thích thú độc lập với mọi khái niệm của lý tính (không dựa trên khái niệm). Cái đẹp không có từ tiên nghiệm hay từ thực tiễn. Nó mang tính tất yếu nhưng lại không thể nào đưa ra một khái niệm về bản thân nó.

Phán đoán thẩm mỹ không dựa vào những phạm trù, quan niệm và cũng không dựa vào cảm giác kinh nghiệm. Theo Kant, nó dựa trên "một linh cảm chung": phán đoán thẩm mỹ thuộc về lĩnh vực cảm tưởng, tình cảm, xuất phát từ chỗ sâu xa nhất của con người và cũng là cái gì chung nhất cho tất cả mọi người. Bởi vậy, ta phải nhận thấy rằng trong con người có một nguyên tắc chủ quan chỉ dùng nguyên tình cảm, chứ không dùng quan niệm để xác định cái gì làm ta vui thích, thỏa mãn và cái gì làm mất lòng ta. Tình cảm này thực sự chung cho tất cả mọi người, vì thế phán đoán thẩm mỹ mới được coi là tất yếu.

2.2.3. Quan niệm của I. Kant về cái cao cả

I. Kant cho rằng cái cao cả và cái đẹp vừa có tính thống nhất vừa khác biệt nhau. Thống nhất vì "tự bản thân chúng làm ta thích thú" và khác biệt giữa chúng là cái đẹp gắn liền với quan niệm về chất, còn cái cao cả gắn liền với quan niệm về lượng. Kant viết: "Cái đẹp thì trực tiếp phát sinh ra một tình cảm về cường độ sự sống tăng lên mạnh và cái đẹp thì ăn nhịp với sức vẽ vời và vẻ quyến rũ của trí tưởng tượng. Cái cao cả chỉ gián tiếp phát động niềm thỏa thích. Thực ra sự thỏa thích này phát sinh do một sự nghẹt thở của các sinh lực ở trong ta, một nghẹt thở được tiếp theo bằng một sự trào lên của sự sống mạnh liệt. Tình cảm về cao cả không liên quan đến một sức quyến rũ vì tâm trí ta không bị thu hút, mà còn bị đẩy lui rồi lại thu hút cho nên sự thỏa thích vì cái cao cả không giống một vui thỏa tiêu cực [4, tr. 74-75].

Về phương diện tâm hồn, cái đẹp mang lại cảm giác êm ái, tình cảm về hòa điệu. Còn cái cao cả lại có bộ mặt khác: nó gây xúc động mạnh mẽ do những biểu tượng kinh thiên động địa, làm ta như bị xuất thần (không phải là mê ly) trong nguy hiểm. Cái đẹp là cái làm ta vui sướng, thỏa mãn. Còn cái cao cả làm ta nghẹt thở, tạo nên khoái cảm rùng rợn. Ta trực tiếp say mê cái đẹp nhưng ta không trực tiếp say mê cảm giác của những cái cao cả đem lại.

Phán đoán về cái đẹp ta cảm thấy một sự hòa điệu kỳ diệu giữa lý trí và trí tưởng tượng. Phán đoán về cái cao cả, ta cảm thấy sự bất đồng giữa lý trí và trí

tưởng tượng. Đứng trước cảnh núi non hùng vĩ, đúng trước cái thăm thẳm của cái vô cùng và uy lực khủng khiếp của các hiện tượng trong thiên nhiên, lý trí của ta tự nhiên hướng đến những ý niệm siêu việt: vô cùng, vô hạn, toàn năng,… và trí tưởng tượng cảm thấy ngay sự bất lực của chính nó. Nó cảm thấy ngột vì những cái vô cùng. Nó đành chịu thua và kính phục. Cái cao cả là đối tượng của tình cảm kính phục và cảm mến này. Khi chiêm ngưỡng cái đẹp ta khoan khoái nhìn thẳng vào biểu tượng của nó. Ngắm nhìn cái cao cả ta cảm thấy rờn rợn, sức sống của ta bị đè nén và sau cái đè nén, ngột thở này ta cảm thấy sức sống trào dâng mãnh liệt. Cái đẹp giải thoát ta những ràng buộc của thú vui cảm giác giác quan để dẫn ta đến chỗ vui thỏa tinh thần. Cái cao cả cũng giải thoát ra khỏi sự sợ hãi do uy quyền mãnh liệt của thiên nhiên dẫn ta tới chỗ chiến thắng những nếm trải của ta đối với thế giới hữu hình.

Kant chia cao cả thành hai loại: *Cái cao cả toán học*: những cảnh tượng uy hùng, hùng vĩ, vĩ đại,… thể hiện tính chất, số lượng. *Cái cao cả động lực*: những lực lượng vĩ đại, hãi hùng của tự nhiên như sấm sét, núi lửa,… thể hiện uy lực sinh động.

So sánh cái cao cả và cái vĩ đại, Kant cho rằng: "ta gọi là cao cả những cái gì tuyệt đối vĩ đại" [4, tr. 77], "vĩ đại là quan niệm tuyệt đối, không thể dùng cái gì để đo lường hay so sánh được. Vĩ đại là cái chỉ mình nó so sánh với nó, còn cái cao cả là cái nếu so sánh với bất cứ cái gì cũng bị coi là nhỏ" [4, tr. 79]. Không có cái gì do kinh nghiệm giác quan của ta sánh được với cái mà ta cho là vĩ đại. Hơn nữa, trí tưởng tượng của ta cũng bị bất lực, cái cao cả không ở trong sự vật mà ở trong tâm hồn. Khi chiêm ngưỡng cái cao cả toán học ta cảm thấy sự bé nhỏ và cao cả của ta. Đứng trước chúng ta không thể phát họa cái gì vĩ đại hơn thế nhưng ta lại thấy vui thỏa như khám phá ra một cái gì của mình nằm sâu, ẩn kín trong tâm hồn ta: đó là "khả năng chiêm ngưỡng cái tuyệt đối vĩ đại". Chỉ bản thân ta mới có ý tưởng về cái tuyệt đối và cái vĩ đại của thiên nhiên vẫn chưa là gì so với tâm trí ta. Đối với cái cao cả động lực, những lực lượng ghê gớm của tự nhiên ta cảm thấy con người bé mọn và mong manh nhưng ta vẫn đứng thẳng và vui thỏa nhìn vào sức tàn phá ghê gớm kia, vì chúng ta biết mình có quyền năng và cao cả hơn chúng.

Cái cao cả toán học và cái cao cả động lực có chung một điểm: cảnh vật thiên nhiên chỉ mở đường, dẫn đường ta vào cái cao cả. Cả hai chỉ phát sinh trong tâm hồn của ta, chỉ có con người mới nhận thức được về cái cao cả vì chỉ con người vừa biết mình vừa yếu hèn vừa cao sang. Như vậy, những hiện tượng được coi là cao cả chỉ là cái cớ để chúng ta cảm thấy cái cao cả đích thực của tâm hồn, của tinh thần con người, cái tinh thần ấy ưu việt hơn hẳn so với tự nhiên.

Triết học thẩm mỹ của Kant là sự đề xuất mới với những ý tưởng sâu sắc và độc đáo, là bước tiến rất quan trọng trong sự phát triển tư tưởng thẩm mỹ. Lý thuyết về thiên tài nghệ thuật mặc dù dựa trên cơ sở duy tâm chủ nghĩa nhưng về mặt nhận thức luận lại quan trọng ở chỗ nó bác bỏ xu hướng tĩnh quan đặc

tính của lý thuyết sao chép tự nhiên. Xu hướng chủ yếu trong phép phân tích cái đẹp thuần khiết là xu hướng hình thức, nhưng phép phân tích ấy đã vạch rõ chỗ khác nhau của chủ nghĩa duy tâm siêu nghiệm nói về tính tất yếu và tính phổ biến của phê phán thẩm mỹ – với xu hướng tương đối chủ nghĩa của cảm giác luận duy tâm chủ quan. Với lý thuyết về cái đẹp nương tựa – cái cao cả chứng tỏ trong chừng mực nào đó, Kant đã tiến sát tới quan niệm biện chứng và những phạm trù thẩm mỹ, những mối liên hệ lẫn nhau giữa những yếu tố khách quan và chủ quan trong những khái niệm thẩm mỹ.

Tóm lại, triết học thẩm mỹ của Kant đã hướng tới con người với tư cách là một chủ thể từ tồn tại đến hoạt động. Kant đã tạo ra một cách nhìn mới, đánh giá mới về con người. Và ông cũng dự báo được hoạt động thực tiễn của con người là điều kiện tồn tại của xã hội.

2.3. Ý nghĩa giáo dục của triết học thẩm mỹ Kant đối với việc giáo dục thẩm mỹ trong đời sống xã hội ở nước ta hiện nay

Những quan điểm cơ bản của Kant về cái đẹp, cái cao cả, về giáo dục thẩm mỹ có ý nghĩa không chỉ trong thời đại của ông mà còn nguyên giá trị trong thời đại hiện nay. Chúng ta tìm thấy trong triết học thẩm mỹ của ông nhiều giá trị cho việc đẩy mạnh giáo dục thẩm mỹ trong đời sống xã hội ở nước ta hiện nay.

Xây dựng con người, tạo dựng nhân cách là chức năng cơ bản và cũng là mục tiêu cuối cùng của mọi nền văn hóa. Một trong những nhiệm vụ quan trọng phải thực hiện trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là xây dựng nền văn hóa mới, tạo ra một đời sống tinh thần cao đẹp, phong phú cho toàn thể nhân dân lao động và xây dựng con người mới với những tiêu chí cơ bản sau: "Có ý thức làm chủ, có trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khỏe, lao động giỏi; sống có văn hóa, nghĩa tình; có tinh thần quốc tế chân chính" [5, tr. 20].

Ngày nay, chúng ta đang sống trong những thập niên đầu thế kỷ XXI – thế kỷ của "Sự phục hưng văn hóa vĩ đại", như các nhà tương lai học dự đoán. Hành trang của con người Việt Nam phải là "con người phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức,…", nghĩa là một nhân cách phát triển toàn diện. Chính con người ấy, nhân cách ấy mới là "động lực của sự nghiệp xây dựng xã hội mới, đồng thời là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội" [6, tr. 346].

Đại hội XI của Đảng đã xác định: "Chú trọng xây dựng nhân cách con người Việt Nam về lý tưởng, đạo đức, trí tuệ, lối sống, thể chất, lòng tự tôn dân tộc, trách nhiệm xã hội, ý thức chấp hành pháp luật, nhất là trong thế hệ trẻ" [7, tr. 126]. Để nâng cao hiệu quả giáo dục thẩm mỹ nhằm xây dựng con người mới, cần phải quan tâm đến việc làm phong phú tình cảm thẩm mỹ cho nhân dân lao động và các tàng lớp nhân dân khác. Việc xây dựng chủ nghĩa xã hội sẽ không thể thực hiện được nếu thiếu sự phong phú tinh thần của mỗi người, thiếu sự tham gia tích cực của nhân dân lao động – chủ thể sáng tạo nền văn hóa mới. Chính vì thế, việc xây dựng một

chiến lược giáo dục thẩm mỹ hướng tới toàn dân là một trong những nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực văn hóa và tư tưởng.

Kế thừa quan điểm trên, Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định: "Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân – thiện – mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học" [8, tr. 126]. "Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển. Đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật… Khẳng định, tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng, nhân rộng các giá trị cao đẹp, nhân văn. Đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người" [8, tr. 127].

Tình cảm thẩm mỹ mới còn được xây dựng trên trên cơ sở tình cảm đạo đức mới, đó là đạo đức của giai cấp công nhân, quan hệ bình đẳng, đồng chí, anh em. Nguyên tắc của nó là: "Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người". Đó là các tư tưởng đạo đức khoan dung của Chủ tịch Hồ Chí Minh, làm cho cái thiện thắng cái ác trong mỗi con người. Nhân dân ta có một truyền thống đạo đức lâu đời, đó là tinh thần yêu nước bất khuất, kiên cường, mưu trí, kiên quyết đấu tranh cho độc lập, tự do; đó là tình thương yêu giữa những người lao động; là đức tính cần cù, sáng tạo; tình cảm lạc quan, yêu đời. Từ ngày có Đảng, những giá trị đó được phát huy cao độ và không ngừng được bổ sung những nhân tố mới. Chúng là cơ sở của các tình cảm thẩm mỹ.

Cái đẹp chân chính đều bắt nguồn từ lao động, từ chiến đấu, từ cái thật, cái tốt. Những tình cảm đối lập với hạnh phúc con người, những tình cảm tự tư tự lợi, ích kỷ hại người đều không đưa đến chỗ hình thành tình cảm thẩm mỹ mới, bởi nó không hướng vào cái đẹp của cuộc sống, không trở thành phương tiện giao cảm giữa người với người, không thể thôi thúc sáng tạo nghệ thuật.

Tuy nhiên, cũng như mọi tình cảm khác của con người, tình cảm thẩm mỹ không phải "nhất thành bất biến". Nó là sản phẩm của thực tiễn lao động, chiến đấu và thường xuyên thúc đẩy thực tiễn ấy tiến lên. Trong cơ chế thị trường hôm nay, cái lợi đang tồn tại phổ biến trong mọi quan hệ của con người. Giáo dục thẩm mỹ cần thiết phải làm cho cái lợi dựa trên cơ sở cái đúng, cái đẹp, cái tốt. Đây là mục tiêu quan trọng của giáo dục thẩm mỹ của chúng ta hiện nay.

Mỗi xã hội có mục đích giáo dục con người theo yêu cầu của mình. Mục đích của xã hội ta là chủ động tạo ra những cá nhân phát triển toàn diện và hài hòa tất cả các mặt thể chất lẫn tinh thần, đạo đức lẫn tài năng, làm cho mỗi con người dần dần trở thành vừa là sản phẩm của lịch sử, vừa là chủ thể của lịch sử, nghĩa là con người được tự do và có đủ điều kiện để cống hiến và

hưởng thụ. Đó chính là chiến lược phát triển con người của Đảng ta: con người vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển của xã hội. Có nhiều hình thức giáo dục thẩm mỹ, mỗi hình thức giáo dục đều có hiệu quả khi nó vận dụng được phương pháp chung tương ứng với quá trình phát triển nhận thức của con người, đó là phương pháp thích hợp. Có thể kể đến các hình thức như: giáo dục thẩm mỹ qua lao động và hoạt động thực tiễn xã hội; qua các hình mẫu người tốt, việc tốt; giáo dục thẩm mỹ bằng môi trường; giáo dục thông qua học tập mỹ học và các bộ môn khoa học gần gũi; giáo dục thông qua nghệ thuật.

Sự phát triển của triết học thẩm mỹ hướng vào mục tiêu hoàn thiện nhân cách con người sẽ góp phần có hiệu quả vào việc phát huy mặt tích cực, khắc phục mặt tiêu cực của kinh tế thị trường đối với nhân cách con người; bằng việc trau dồi nhạy cảm thẩm mỹ, tăng cường năng lực thẩm định trực giác, đánh thức các khả năng sáng tạo tiềm ẩn, thúc đẩy quá trình hình thành nhu cầu và thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh, xây dựng thị hiếu thẩm mỹ tích cực để biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục. Vì thế, tăng cường hơn nữa giáo dục thẩm mỹ là yêu cầu khách quan trong công cuộc đổi mới hiện nay nhằm "xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân – thiện – mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học" [9, tr. 5]. Đó chính là những con người phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất, trong sáng về đạo đức. Chính những con người ấy, nhân cách ấy là động lực của sự nghiệp xây dựng xã hội mới, đồng thời, là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

3. Kết luận

Trong mỗi thời đại, sự phát triển của mỗi quốc gia luôn gắn liền với dòng chảy của các nền văn hóa lớn trên thế giới. Với phương châm "hòa nhập nhưng không hòa tan", Việt Nam luôn chú trọng tới việc gìn giữ và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Để làm được điều đó, mỗi cá nhân phải có lập trường vững vàng và nhận thức thẩm mỹ sâu sắc, không dễ dàng dao động bởi những trào lưu mới, tiêu cực. Vì vậy, những giá trị tư tưởng mỹ học mà Kant để lại là tài sản quý giá để chúng ta rèn luyện và tiếp thu trong quá trình hội nhập hiện nay. Sự hiện diện của triết học thẩm mỹ của Kant có ý nghĩa tích cực đối với việc giáo dục con người, đem lại cho họ niềm tin và sức mạnh, vào khả năng sáng tạo của chính con người, kích thích họ ở tính tích cực chủ quan, khơi dậy khát khao vươn tới những hành động cao thượng, đẹp đẽ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Immanuel Kant (2006), *Phê phán năng lực phán đoán (Mỹ học và mục đích luận),* Bùi Văn Nam Sơn dịch và chú giải, Nxb Tri thức, Hà Nội

2. Mác, Ăngghen tuyển tập (1984), *tập 6,* Nxb Sự thật, Hà Nội

3. Nguyễn Tiến Dũng (2009), *Lịch sử triết học phương Tây,* Nxb Văn nghệ, Hồ Chí Minh

4. Immanuel Kant (1898), *Phê phán năng lực phán đoán,* Nxb Xanhpetecbua, Nga

5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011),* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội

6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 52,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội

7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội

8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII,* Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thât, Hà Nội

9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, *Báo Hà Nội mới,* ngày 2-6-2014

IMMANUEL KANT'S AESTHETIC PHILOSOPHY AND EDUCATIONAL SIGNIFICANCE IN HUMAN CONSTRUCTION IN VIETNAM TODAY

ABSTRACT

Immanuel Kant was one of the great thinkers of German classical philosophy in particular and the philosophical system in general. He is not only a great philosopher but also a great aesthetic of humanity with his tremendous contributions. In the field of aesthetics, Kant is considered the father of romanticism. His thoughts were not only of profoundly humanistic values, but also influenced many later artistic trends, especially romantic tendencies. The article makes clear the fundamental content of Kant's aesthetic philosophy and shows the great role of aesthetic education in social life, especially in the current period in our country.

Keywords: *Immanuel Kant, aesthetic philosophy, education cosmetic, build personality*

(Received: 19/12/2017, Revised: 16/3/2018, Accepted for publication: 6/8/2020)